

Số: 32 /NQ-HĐTĐHTB

Sơn La, ngày 09 tháng 4 năm 2023

### NGHỊ QUYẾT

Về việc quyết định Chiến lược phát triển Trường Đại học Tây Bắc  
giai đoạn 2023 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045

### HỘI ĐỒNG TRƯỜNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 687/QĐ-BGDĐT ngày 10/03/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công nhận Hội đồng trường Trường Đại học Tây Bắc nhiệm kỳ 2020 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 36/NQ-HĐTĐHTB ngày 11/11/2020 của Hội đồng Trường về việc ban hành Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Trường Đại học Tây Bắc; Nghị quyết số 27/NQ-HĐTĐHTB ngày /3/2023 của Hội đồng Trường về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Trường Đại học Tây Bắc;

Căn cứ Tờ trình số 20/TTr-ĐHTB ngày 07/01/2022 của Hiệu trưởng về việc phê duyệt Chiến lược phát triển Trường Đại học Tây Bắc giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 35/NQ-HĐTĐHTB ngày 25/7/2022 Nghị quyết Hội nghị lần thứ VII, nhiệm kỳ 2020 - 2025 của Hội đồng Trường;

Căn cứ Nghị quyết số 24/NQ-HĐTĐHTB ngày 24/3/2023 Nghị quyết phiên họp đột xuất của Hội đồng Trường;

Căn cứ Kết luận số 316-KL/ĐU ngày 31/3/2023 của Ban Thường vụ Đảng ủy, kết luận Hội nghị chuyên đề “Đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường giai đoạn 2018 - 2023, tầm nhìn đến năm 2030, hoàn thiện dự thảo Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2023 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045”;

Căn cứ Kết luận số 318-KL/ĐU ngày 09/4/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ Trường Đại học Tây Bắc;

Căn cứ Kết luận số 336/KL-ĐHTB ngày 09/4/2023 Kết luận cuộc họp tập thể lãnh đạo Trường.



## QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Quyết định Chiến lược phát triển Trường Đại học Tây Bắc giai đoạn 2023 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (có tài liệu kèm theo).

**Điều 2.** Giao Ban Giám hiệu chỉ đạo thực hiện Chiến lược phát triển Trường Đại học Tây Bắc giai đoạn 2023 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện hàng năm, giai đoạn 2023 - 2025, 2025 - 2030 và theo đề nghị của Hội đồng Trường.

**Điều 3.** Nghị quyết có hiệu lực từ ngày ký.

Hội đồng Trường, Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc, các tổ chức chính trị xã hội, các tổ chức xã hội nghề nghiệp trong Nhà trường chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để báo cáo);
- Ban Chấp hành Đảng bộ Trường (để báo cáo);
- Như Điều 3 (để th/h);
- Lưu: VT, HĐT (2b).

**T/M HỘI ĐỒNG TRƯỜNG  
CHỦ TỊCH**



**Đoàn Đức Lân**



**VÀ  
ĐANG  
HỌC  
TÂY  
BẮC**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC**

**CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC GIAI ĐOẠN 2023 - 2030,  
TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045**

*(Kèm theo Nghị quyết số 32 /NQ-HĐTĐHTB ngày 09/4/2023  
của Hội đồng trường Trường Đại học Tây Bắc)*

*Sơn La, tháng 4 năm 2023*

## MỤC LỤC

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
Lời nói đầu	1
Phần 1. Sứ mạng, Tầm nhìn, Triết lí giáo dục và Giá trị cốt lõi	3
1. Sứ mạng	3
2. Tầm nhìn	3
3. Triết lí giáo dục	3
4. Giá trị cốt lõi	3
Phần 2. Bối cảnh	4
1. Bối cảnh quốc tế	4
2. Tình hình đất nước	4
3. Điều kiện tự nhiên và kinh tế - xã hội vùng Tây Bắc	5
4. Vai trò của Trường đối với phát triển vùng Tây Bắc	6
5. Tình hình của Nhà trường	6
5.1. Cơ cấu tổ chức và cơ chế lãnh đạo, quản trị và quản lý điều hành	6
5.1.1. Cơ cấu tổ chức	6
5.1.2. Cơ chế lãnh đạo, quản trị và quản lý điều hành	8
5.2. Công tác đào tạo	8
5.3. Hoạt động khoa học và công nghệ	8
5.4. Hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng	9
5.5. Hợp tác trong nước và hợp tác quốc tế	9
6. Các nguồn lực	9
6.1. Về đội ngũ giảng viên, giáo viên, cán bộ, viên chức và người lao động	9
6.2. Về tài chính	9
6.3. Về cơ sở vật chất	10
7. Phân tích cạnh tranh	10
7.1. Điểm mạnh	10
7.2. Điểm yếu	11
7.3. Cơ hội	12



7.4. Thách thức	13
Phần 3. Quan điểm phát triển	15
Phần 4. Mục tiêu chiến lược	16
1. Mục tiêu tổng quát	16
2. Mục tiêu và chỉ tiêu giai đoạn 2023 - 2030	16
2.1. Công tác tổ chức và cán bộ	16
2.2. Bảo đảm chất lượng giáo dục	17
2.3. Công tác đào tạo	19
2.4. Hoạt động khoa học công nghệ và hỗ trợ khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo	20
2.5. Hợp tác quốc tế và hợp tác trong nước	22
2.6. Hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng	23
2.7. Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số	24
2.8. Công tác cơ sở vật chất	26
2.9. Công tác tài chính	27
3. Tầm nhìn đến năm 2045	28
Phần 5. Đột phá chiến lược	29
Phần 6. Nhiệm vụ và giải pháp	30
1. Hoàn thiện hệ thống văn bản quản trị và điều hành	30
2. Củng cố, phát triển tổ chức và làm tốt công tác cán bộ	30
3. Nâng cao phẩm chất và năng lực cho nhà giáo, cán bộ, viên chức, người lao động và người học	31
4. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược theo từng lĩnh vực trọng tâm, theo từng giai đoạn và theo các năm học	31
5. Tăng cường bảo đảm chất lượng đào tạo, nghiên cứu thường xuyên, liên tục; chủ động xây dựng kế hoạch cải tiến và nâng cao chất lượng đối với từng lĩnh vực đào tạo, khoa học công nghệ, kết nối và phục vụ cộng đồng	32
6. Bảo đảm các nguồn lực để thực hiện thành công Chiến lược phát triển Nhà trường	32
Phần 7. Tổ chức thực hiện	34

## LỜI NÓI ĐẦU

Năm 1960, Chính phủ thành lập Trường Sư phạm cấp 2 Khu Tự trị Thái - Mèo để thực hiện nhiệm vụ phát triển giáo dục cho đồng bào các dân tộc Tây Bắc. Trường được thành lập trong bối cảnh cả nước đang trong giai đoạn kháng chiến chống Mỹ, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Năm 1981, Trường Cao đẳng Sư phạm Tây Bắc được thành lập trên cơ sở Trường Sư phạm cấp 2 Khu Tự trị Thái - Mèo. Nhân dân ta vừa trải qua cuộc kháng chiến chống Mỹ, vừa phải khắc phục hậu quả chiến tranh, xây dựng lại đất nước, vừa phải bảo vệ biên giới phía Bắc và làm nghĩa vụ quốc tế với các nước bạn Lào, Campuchia. Vượt qua nhiều khó khăn gian khổ, Trường đã đào tạo nhiều giáo viên phổ thông để góp phần mang ánh sáng văn hóa đến cho đồng bào Tây Bắc, phát triển giáo dục nước nhà.

Đất nước bước vào thời kỳ đổi mới và hội nhập, trước yêu cầu của thực tiễn và phát triển giáo dục đào tạo, Trường Đại học Tây Bắc được thành lập theo Quyết định số 39/2001/QĐ-TTg ngày 23/3/2001 của Thủ tướng Chính phủ; là trường đại học trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, có nhiệm vụ: Đào tạo nhân lực có trình độ đại học và cao đẳng; Bồi dưỡng chuyên môn cho cán bộ, công chức; Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ; Triển khai các dịch vụ kỹ thuật phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của vùng Tây Bắc.

Trải qua hơn 60 năm xây dựng và phát triển, trải qua nhiều vất vả, gian nan; Trường đã có những thành tựu quan trọng đóng góp cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an ninh quốc phòng của các tỉnh Tây Bắc và đất nước, góp phần đào tạo nguồn nhân lực cho nước bạn Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

Năm 2005, Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Tây Bắc giai đoạn 2006 - 2015 và tầm nhìn đến năm 2020 được ban hành. Kế hoạch này sau đó được điều chỉnh, thay thế bằng Kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường giai đoạn 2011 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030. Đến năm 2018, tình hình thực tiễn có nhiều thay đổi, cần có sự đổi mới cho phù hợp nên Nhà trường đã ban hành Kế hoạch chiến lược phát triển giai đoạn 2018 - 2023 và tầm nhìn đến năm 2030.

Từ năm 2005 đến nay, các kế hoạch chiến lược phát triển của Trường luôn đóng vai trò quan trọng, đã phát huy hiệu quả, là cơ sở định hướng quan trọng, nhất quán để xác định các kế hoạch trung hạn và ngắn hạn, đưa Nhà trường phát triển mạnh mẽ, toàn diện lên một vị thế mới.

Hiện nay, diễn biến tình hình trong nước và thế giới, yêu cầu đổi mới giáo dục đào tạo đòi hỏi Nhà trường phải có chiến lược phù hợp với tinh thần bảo đảm chất lượng, tự chủ và hội nhập quốc tế. Nhà trường đã tiến hành rà soát, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Tây Bắc giai đoạn 2018 - 2023 và tầm nhìn đến năm 2030; phân tích tình hình hiện

tại để có những căn cứ xây dựng Chiến lược phát triển Nhà trường giai đoạn 2023 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2045.

Chiến lược phát triển Trường Đại học Tây Bắc giai đoạn 2023 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2045 là thành quả quan trọng của trí tuệ tập thể, là căn cứ để tổ chức thực hiện mọi hoạt động, đưa Nhà trường vượt qua những khó khăn, tiếp tục phát triển toàn diện, mạnh mẽ và bền vững.

Chiến lược phát triển Trường Đại học Tây Bắc giai đoạn 2023 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2045 gồm các nội dung chính sau đây:

- Phần 1: Sứ mạng, Tầm nhìn, Triết lí giáo dục và Giá trị cốt lõi
- Phần 2: Bối cảnh
- Phần 3: Quan điểm phát triển
- Phần 4: Mục tiêu chiến lược
- Phần 5: Đột phá chiến lược
- Phần 6: Nhiệm vụ và giải pháp
- Phần 7: Tổ chức thực hiện.

## Phần 1

# SỨ MẠNG, TÂM NHÌN, TRIẾT LÝ GIÁO DỤC VÀ GIÁ TRỊ CỐT LÕI

### 1. Sứ mạng

Đào tạo nhân lực, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, thực hiện các dịch vụ phục vụ phát triển bền vững kinh tế - xã hội, hội nhập quốc tế của khu vực Tây Bắc và đất nước.

### 2. Tâm nhìn

Trường Đại học Tây Bắc là trường đại học đa ngành, phát triển theo định hướng ứng dụng có uy tín, chất lượng cao; đạt tiêu chuẩn chất lượng của Mạng lưới các trường đại học Đông Nam Á vào năm 2030, đạt tiêu chuẩn chất lượng tiên tiến quốc tế vào năm 2045.

### 3. Triết lý giáo dục

Nâng tầm giá trị - Kiến tạo tương lai

Giải nghĩa: Giáo dục hình thành và phát huy các giá trị đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ để kiến tạo tương lai hạnh phúc.

### 4. Giá trị cốt lõi

Đoàn kết - Trách nhiệm - Sáng tạo - Hiệu quả

- + Đoàn kết: Thống nhất tư tưởng, ý chí và hành động vì mục tiêu chung.
- + Trách nhiệm: Tận tâm, nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ vì sự tiến bộ của cộng đồng.
- + Sáng tạo: Đổi mới cách nghĩ, cách làm, tạo ra tri thức mới.
- + Hiệu quả: Đáp ứng yêu cầu bảo đảm chất lượng sản phẩm.



## Phần 2

### BỐI CẢNH

#### 1. Bối cảnh quốc tế

Hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế chính nhưng cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn diễn ra phức tạp, cục diện đa cực ngày càng rõ nét. Mâu thuẫn giữa hợp tác phát triển kinh tế với cạnh tranh về vị thế chính trị; mâu thuẫn giữa cạnh tranh và liên kết có xu hướng tăng lên. Xung đột quân sự bùng phát, đặc biệt là sau khi Nga tiến hành Chiến dịch quân sự đặc biệt tại Ucraina đã ảnh hưởng lớn đến tình hình thế giới. Khu vực châu Á – Thái Bình Dương có vị trí trọng yếu trên thế giới, tiếp tục là động lực quan trọng của kinh tế toàn cầu, song tiềm ẩn những nhân tố gây mất ổn định do cạnh tranh chiến lược, tranh chấp lãnh thổ, tài nguyên.

Tăng trưởng kinh tế thế giới và thương mại, đầu tư quốc tế có xu hướng hồi phục sau đại dịch Covid-19. Đại dịch Covid-19 đã được kiểm soát nhưng cũng đã gây ra suy thoái trầm trọng và khủng hoảng kinh tế toàn cầu.

Phát triển bền vững trở thành xu thế toàn cầu; kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, tăng trưởng xanh đang là mô hình phát triển được nhiều quốc gia lựa chọn.

Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, đặc biệt là Cách mạng công nghiệp lần thứ tư với những yếu tố cốt lõi là Trí tuệ nhân tạo (AI), Vạn vật kết nối (IoT) và Dữ liệu lớn (Big Data) đang diễn biến rất nhanh, đột phá, tác động sâu rộng và đa chiều. Những tiến bộ về khoa học công nghệ ngày càng trở thành nhân tố quyết định đối với năng lực cạnh tranh của mỗi quốc gia.

Giáo dục, trong đó có giáo dục đại học trở thành nền tảng cho sự phát triển, là chìa khóa mở ra cánh cửa tương lai cho mọi quốc gia, dân tộc. Xu hướng liên kết quốc tế, tự chủ, tự chịu trách nhiệm, đổi mới nội dung, chương trình, hình thức đào tạo đang là hướng đi trong quá trình phát triển của giáo dục đại học.

#### 2. Tình hình đất nước

Thời gian qua, đất nước ta gặp nhiều khó khăn, thách thức, đặc biệt là diễn biến phức tạp, nhanh chóng của tình hình chính trị, kinh tế thế giới và đại dịch Covid-19. Mặc dù vậy, đất nước ta đã đạt được nhiều thành tựu rất quan trọng, khá toàn diện trên hầu hết các lĩnh vực. Quy mô, tiềm lực, sức cạnh tranh của nền kinh tế được nâng lên; tính tự chủ của nền kinh tế được cải thiện. Khu vực tư nhân đóng góp ngày càng lớn và trở thành một động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế đất nước. Chính trị, xã hội ổn định, các lĩnh vực văn hóa, xã hội, môi trường, quốc phòng, an ninh, đối ngoại được quan tâm và có sự chuyển biến tích cực.

Tuy nhiên, bên cạnh kết quả đạt được, vẫn còn nhiều hạn chế, yếu kém, khó khăn, thách thức và tiềm ẩn nhiều rủi ro. Mục tiêu đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại chưa đạt yêu cầu, chưa thu hẹp được khoảng cách phát triển và bắt kịp các nước trong khu vực. Năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của nền kinh tế chưa cao. Các đột phá chiến lược chưa

có bút phá. Chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao chưa đáp ứng yêu cầu; khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo chưa thực sự trở thành động lực phát triển. Các lĩnh vực văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường nhiều mặt còn yếu kém, khắc phục còn chậm. Các yếu tố an ninh phi truyền thống, thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu... dự báo diễn biến khó lường, ngày càng tác động, ảnh hưởng nặng nề đến sản xuất và đời sống.

Xu hướng tái cơ cấu nền kinh tế tác động đến nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực; đòi hỏi của xã hội về số lượng và chất lượng nguồn nhân lực được đào tạo khác so với những năm trước đây. Giáo dục đào tạo đang trong quá trình đổi mới, cải cách một cách tổng thể, căn bản và toàn diện; đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước giảm; chú trọng xã hội hóa giáo dục đào tạo. Thực hiện tái cấu trúc hệ thống giáo dục đại học; tập trung phát triển trường đại học theo hướng tự chủ gắn với trách nhiệm giải trình; thực hiện bảo đảm chất lượng giáo dục đại học theo chuẩn của khu vực; quy hoạch mạng lưới các trường đại học theo hướng phân tầng, xếp hạng.

### **3. Điều kiện tự nhiên và kinh tế - xã hội vùng Tây Bắc**

Vùng Tây Bắc là một trong những địa bàn chiến lược đặc biệt quan trọng về kinh tế, quốc phòng, an ninh và đối ngoại của cả nước. Đây là vùng có mức độ đa dạng cao về các điều kiện tự nhiên, sinh thái, xã hội và nhân văn, tạo nên sự khác biệt về địa lý, sinh thái, kinh tế - xã hội, tạo nên sự phân hóa thành các đơn vị lãnh thổ tự nhiên - xã hội đặc thù.

Tây Bắc gồm 06 tỉnh là Hòa Bình, Sơn La, Lai Châu, Điện Biên, Lào Cai và Yên Bái với diện tích khoảng 50.565,7 km<sup>2</sup> chiếm 15,26% diện tích của cả nước. Dân số của vùng khoảng 4,86 triệu người, chiếm 4,94% dân số của cả nước (Số liệu thống kê năm 2021). Vùng Tây Bắc giáp với vùng Đông Bắc, hữu ngạn sông Hồng, Lào và Trung Quốc, thuận lợi cho việc giao lưu, phát triển kinh tế, văn hóa với các vùng và các quốc gia láng giềng.

*Về điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên:* Tây Bắc là vùng đất rộng lớn với thiên nhiên hùng vĩ. có nhiều tiềm năng đa dạng, có ý nghĩa cho phát triển kinh tế. Đây là vùng có địa hình hiểm trở nhất cả nước, bị chia cắt mạnh, phần lớn địa hình có độ cao dưới 1.000m nhưng có nhiều đỉnh núi vượt mức 2.000m. Địa hình chủ yếu là cao nguyên, núi đá vôi, hang động karst, địa hình thung lũng và bồn trũng giữa núi. Nổi bật là dãy Hoàng Liên Sơn với đỉnh Fansipan cao 3.143m được mệnh danh là "nóc nhà của Đông Dương". Tây Bắc cũng là một trong 7 vùng khí hậu thủy văn của Việt Nam với đặc trưng của khí hậu nhiệt đới gió mùa núi cao, có sự phân hóa thành 2 mùa rõ rệt. Nhiều điểm cao trên 1.000m có khí hậu mát mẻ quanh năm như Sa Pa, Bắc Hà (Lào Cai), Sìn Hồ (Lai Châu), Mộc Châu (Sơn La). Vùng hiện có tiềm năng khoáng sản đa dạng và phong phú nhất cả nước; đồng thời, có thế mạnh về tài nguyên nước với nhiều sông, suối, ao hồ. Đây là điều kiện thuận lợi cho việc khai thác và phát triển thủy điện (chiếm >55% trữ năng thủy điện của cả nước). Rừng và đa dạng sinh học của vùng là một tài sản vô giá. Tây Bắc là một trong 4 trung tâm đa dạng sinh học của Việt Nam với 3.852 loài thực vật bậc cao có mạch cùng với 914

loài động vật có xương sống và hàng chục loài gia súc và gia cầm khác. Đặc biệt, là hệ thống rừng nguyên sinh như Vườn Quốc gia Hoàng Liên, Khu bảo tồn thiên nhiên Mường Nhé... là tiềm năng to lớn cho việc phát triển du lịch sinh thái.

Về điều kiện kinh tế - xã hội, Tây Bắc có mật độ dân số thấp, năm 2021 đạt 96,3 người/km<sup>2</sup> trong khi mật độ dân số của cả nước là 297,3 người/km<sup>2</sup> và của vùng Trung du và miền núi phía Bắc là 135,8 người/km<sup>2</sup>. Vùng Tây Bắc là địa bàn sinh sống của 22 dân tộc: Thái, Mông, Mường, Kinh, Khơ Mú, Xinh Mun, Mảng, Kháng, Dao, Tày, Thái, Nùng, Giáy, Lào, Lự, Bố Y, La Ha, Hoa, Hà Nhì, La Hủ, Lô Lô, Cống, Si La. Sự đa dạng về thành phần dân tộc đã tạo nên một không gian văn hóa đặc trưng với những nét hấp dẫn, nhiều lễ hội, các loại hình nghệ thuật, các sản phẩm thủ công truyền thống, các đặc sản ẩm thực... Đây là tiềm năng to lớn có thể đẩy mạnh phát triển du lịch cộng đồng.

#### **4. Vai trò của Trường đối với phát triển vùng Tây Bắc**

Trường Đại học Tây Bắc là trường đại học công lập được thành lập đầu tiên tại khu vực Tây Bắc. Trường có hơn 60 năm xây dựng và phát triển, thực hiện nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, triển khai các dịch vụ góp phần phát triển bền vững kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế khu vực Tây Bắc.

Trường thực hiện nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực, chủ yếu là nguồn nhân lực tại chỗ cho Tây Bắc là khu vực còn rất nhiều khó khăn về điều kiện tự nhiên và kinh tế xã hội. Các thế hệ sinh viên của Trường sau khi tốt nghiệp có nhiều cống hiến, đóng góp trong phát triển giáo dục, nâng cao dân trí, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, bảo vệ tài nguyên và môi trường, phát triển cộng đồng. Hàng chục nghìn cựu sinh viên của Nhà trường nay đã trưởng thành, nhiều người giữ các vị trí quan trọng trong hệ thống Đảng, chính quyền, các tổ chức, cơ quan, ban ngành, trường học, doanh nghiệp.

Trường còn tham gia đào tạo nguồn nhân lực cho nước bạn CHDCND Lào, góp phần tăng cường tình hữu nghị, hợp tác, quan hệ đặc biệt Việt Nam – Lào.

Hoạt động khoa học công nghệ, hợp tác quốc tế, hợp tác trong nước, kết nối và phục vụ cộng đồng, hỗ trợ khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo của Nhà trường ngày một tiến bộ, có nhiều thành tựu quan trọng, mang lại lợi ích thiết thực cho các địa phương và nhân dân.

#### **5. Tình hình của Nhà trường**

Tình hình của Nhà trường được khái quát trên cơ sở tiến hành rà soát, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch chiến lược phát triển giai đoạn 2018 - 2023 và tầm nhìn đến năm 2030; phân tích thực tiễn tại thời điểm hiện tại.

##### **5.1. Cơ cấu tổ chức và cơ chế lãnh đạo, quản trị và quản lý điều hành**

###### **5.1.1. Cơ cấu tổ chức**

Đến 25/3/2023, cơ cấu tổ chức của Nhà trường bao gồm:

- Đảng bộ, Hội đồng Trường, Ban Giám hiệu.

- Các tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức xã hội - nghề nghiệp bao gồm: Công đoàn cơ sở, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên, Hội Chữ thập đỏ, Hội Khuyến học, Hội Cựu Giáo chức.

- 28 đơn vị thuộc và trực thuộc gồm:

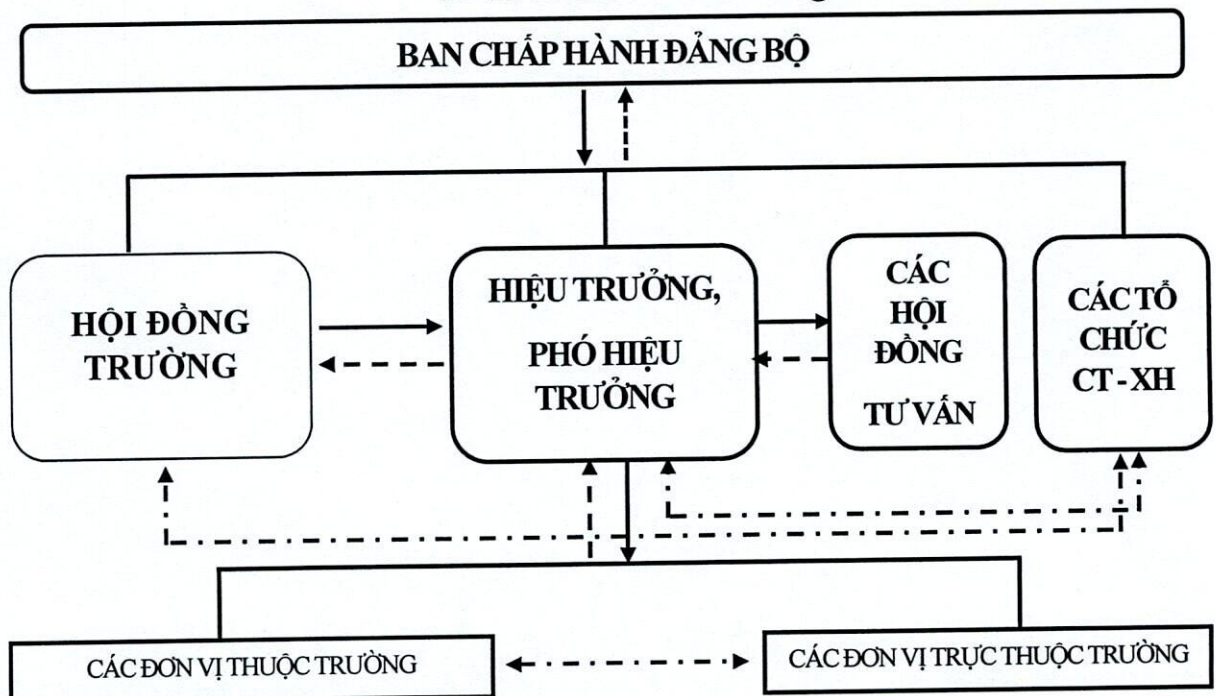
+ 7 phòng: Phòng Tổ chức - Hành chính; Phòng Bảo đảm chất lượng và Thanh tra Pháp chế; Phòng Đào tạo; Phòng Khoa học Công nghệ và Hợp tác Quốc tế; Phòng Công tác Chính trị và Quản lý người học; Phòng Quản trị Cơ sở vật chất; Phòng Kế toán - Tài chính.

+ 7 khoa, 1 trường phổ thông trực thuộc: Khoa Khoa học Tự nhiên - Công nghệ; Khoa Khoa học Xã hội; Khoa Cơ sở; Khoa Nông - Lâm; Khoa Tiểu học - Mầm non; Khoa Kinh tế; Khoa Khoa học Sức khỏe; Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Chu Văn An.

+ 11 trung tâm: Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh, Trung tâm Nghiên cứu Văn hóa các dân tộc Tây Bắc, Trung tâm Nghiên cứu Khoa học và Chuyển giao Công nghệ, Trung tâm Thông tin - Thư viện, Trung tâm Thực hành Thí nghiệm và 07 trung tâm hoạt động theo cơ chế tự chủ là: Trung tâm Đào tạo và Dịch vụ Kinh tế; Trung tâm Tin học - Ngoại ngữ; Trung tâm Nghiên cứu Đa dạng Sinh học và Môi trường; Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Sản phẩm khoa học công nghệ; Trung tâm Nông nghiệp Bền vững; Trung tâm Thúc đẩy Khởi sự, Khởi nghiệp Kinh doanh và Thu hút đầu tư vùng dân tộc miền núi; Trung tâm Phát triển Du lịch Tây Bắc.

+ Các đơn vị khác: Tạp chí Khoa học, Ban Quản lý Khu Nội trú; Trạm Y tế.

*Sơ đồ tổ chức của Trường:*



\* Ghi chú:

→ Quan hệ quản lý điều hành ← · · → Quan hệ phối hợp - - → Quan hệ tư vấn, báo cáo

### *5.1.2. Cơ chế lãnh đạo, quản trị và quản lý điều hành*

Thực hiện theo nguyên tắc Đảng bộ lãnh đạo, Hội đồng Trường thực hiện nhiệm vụ quản trị, Ban Giám hiệu quản lý, điều hành tổ chức thực hiện các nghị quyết, kết luận, chỉ thị, chính sách, chương trình, kế hoạch và các văn bản chỉ đạo khác của cấp trên, của Đảng ủy, Hội đồng Trường; giao nhiệm vụ cụ thể cho các đơn vị trên cơ sở phê duyệt kế hoạch hoạt động hàng năm.

### *5.2. Công tác đào tạo*

Trường đang đào tạo 24 ngành đại học, 01 ngành cao đẳng, 02 ngành đào tạo trình độ thạc sĩ: Ngôn ngữ Việt Nam, Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán. Ngoài ra, Trường còn được giao nhiệm vụ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giảng viên các trường đại học, cao đẳng; bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp cho giảng viên, giáo viên trung học phổ thông, trung học cơ sở, tiểu học, mầm non; bồi dưỡng nghiệp vụ hướng dẫn và điều hành du lịch.

Trường tuyển sinh trên phạm vi cả nước, trong thực tế đối tượng tuyển sinh của Trường chủ yếu là con em các dân tộc khu vực Tây Bắc. Quy mô giáo dục đào tạo hiện tại ước tính 5.000 người học, trong đó có khoảng 3.000 sinh viên đại học, cao đẳng hệ chính quy, gần 400 lưu học sinh của nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào. Tỷ lệ sinh viên là con em các dân tộc ít người trên 80%.

Các chương trình đào tạo của Trường được xây dựng trên cơ sở các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và tham khảo các chương trình tiên tiến của các cơ sở đào tạo khác, thường xuyên cập nhật và bổ sung phù hợp với nhu cầu nguồn nhân lực khu vực Tây Bắc.

Công tác biên soạn giáo trình được quan tâm, chú trọng. Nhà trường đã xuất bản một số giáo trình, tài liệu tham khảo, chuyên khảo phục vụ công tác đào tạo.

### *5.3. Hoạt động khoa học và công nghệ*

Đội ngũ giảng viên, giáo viên, cán bộ thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ phát triển cả về quy mô và chất lượng. Đã hình thành một số nhóm nghiên cứu chuyên sâu, liên ngành thuộc các ngành Toán học, Sinh học, Vật lý, Nông Lâm, Kinh tế. Đã có nhiều công bố trong nước và quốc tế, có sản phẩm ứng dụng vào thực tiễn.

Trường đã thực hiện các nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia, cấp bộ, tỉnh và cấp cơ sở; tổ chức các hội thảo quốc tế, hội thảo quốc gia. Hoạt động khoa học công nghệ của giảng viên, giáo viên, cán bộ gắn với định hướng nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo, gắn với thực tiễn Tây Bắc, tạo ra sản phẩm có giá trị thương mại, phát triển cộng đồng, công bố khoa học trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế.

Tạp chí Khoa học hoạt động từ năm 2015, đã có chỉ số ISSN và một số ngành được Hội đồng Chức danh Nhà nước tính điểm từ 0,25 – 0,5 là: Giáo dục

học, Ngôn Ngữ học, Sinh học, Nông nghiệp - Lâm nghiệp, Văn học, Toán học, Lịch sử, Kinh tế.

Nghiên cứu khoa học của người học, hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo được quan tâm thúc đẩy, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, hình thành năng lực nghiên cứu, phát triển tư duy độc lập cho người học.

#### ***5.4. Hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng***

Nhà trường đã có bộ phận phụ trách, các đơn vị, tổ chức chính trị - xã hội đã phối hợp để thực hiện nhiều hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng thông qua hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, các hoạt động tình nguyện, từ thiện.

#### ***5.5. Hợp tác trong nước và hợp tác quốc tế***

Trường đã có hợp tác với một số địa phương khu vực Tây Bắc, một số cơ quan, ban, ngành, các doanh nghiệp để thực hiện công tác đào tạo, thực hành, thực tập, khoa học công nghệ, triển khai các dịch vụ. Trường có thỏa thuận hợp tác với một số trường đại học, viện nghiên cứu trong nước.

Nhà trường thực hiện thỏa thuận hợp tác với 9 tỉnh Bắc Lào về đào tạo trình độ đại học, sau đại học; thực hiện một số chương trình, dự án, hoạt động hợp tác Nhật Bản, Úc, Hoa Kỳ, Hàn Quốc. Thực hiện thỏa thuận hợp tác với Trường Đại học Southern Cross, Trường Đại học Công nghệ Queensland, Trường Đại học Sunshine Coast (Úc). Mời một số tình nguyện viên của Úc, Nhật Bản, Hoa Kỳ tham gia giảng dạy, nghiên cứu khoa học tại Trường.

Hợp tác trong nước và quốc tế giúp cho Nhà trường nâng cao chất lượng đào tạo, khoa học công nghệ, gắn kết với thực tiễn; đặc biệt là nâng cao năng lực cho đội ngũ giảng viên, giáo viên, cán bộ, viên chức và người lao động; hỗ trợ người học và tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị.

### **6. Các nguồn lực**

#### ***6.1. Về đội ngũ giảng viên, giáo viên, cán bộ, viên chức và người lao động***

Tổng số giảng viên, giáo viên, cán bộ, viên chức và người lao động, tính đến 25/3/2023 là 405 người, trong đó có 5 sĩ quan biệt phái, 01 biên chế được Tỉnh ủy giao. Về trình độ chuyên môn: có 04 phó giáo sư; 86 tiến sĩ; 231 thạc sĩ; 57 người trình độ đại học; 10 người trình độ cao đẳng và 17 người có các trình độ khác.

Tỷ lệ giảng viên, giáo viên, cán bộ, viên chức thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, học thuật chiếm khoảng 70 %.

#### ***6.2. Về tài chính***

Trường Đại học Tây Bắc là đơn vị sự nghiệp công lập, tự đảm bảo một phần kinh phí hoạt động thường xuyên. Nguồn tài chính cho hoạt động của

Trường được hình thành từ ngân sách Nhà nước cấp và thu học phí, lệ phí và thu hoạt động sự nghiệp.

Hiện nay, Trường hoạt động chủ yếu dựa vào nguồn tài chính từ ngân sách Nhà nước, học phí thu được từ đào tạo đại học hệ vừa làm vừa học, công tác bồi dưỡng, tập huấn, một phần từ nguồn đào tạo đại học hệ chính quy, hoạt động khoa học công nghệ, các chương trình, dự án và nguồn thu từ các dịch vụ có sử dụng cơ sở vật chất.

### **6.3. Về cơ sở vật chất**

Tổng diện tích được quy hoạch của Trường khoảng 106 ha, trong đó: diện tích tại cơ sở chính tại thành phố Sơn La là 95 ha, diện tích tại cơ sở Mộc Châu là 10 ha, diện tích tại cơ sở Thuận Châu là 01 ha.

Hệ thống giảng đường với hàng trăm phòng học; 05 phòng học ngoại ngữ, 08 phòng học tin học với 400 máy tính, 28 phòng thực hành thực tập chuyên môn; 05 hội trường 200 chỗ ngồi, 01 hội trường 1.000 chỗ ngồi.

Hệ thống phòng thực hành, thí nghiệm thuộc các lĩnh vực Sinh học, Hóa học, Vật lý, Tin học, Nông Lâm, Môi trường; các nhà lưới, nhà vòm, nhà kính diện tích trên 10.000 m<sup>2</sup>, khu thực nghiệm Mộc Châu cơ bản đáp ứng nhu cầu đào tạo, khoa học công nghệ.

Thư viện có tổng diện tích 5.885 m<sup>2</sup> với 150 máy tính sử dụng phần mềm quản lý thư viện; số đầu sách, giáo trình và tài liệu tham khảo, tài liệu chuyên khảo phục vụ nghiên cứu; báo, tạp chí khoa học có hàng trăm nghìn bản; sách, giáo trình điện tử khoảng 1.300 bản.

Khu nội trú có 8 nhà ký túc xá, đủ chỗ cho 3.500 người học. Nhà ăn Sinh viên có tổng diện tích trên 2.600 m<sup>2</sup>, phục vụ đồng thời cho 2.000 người. Trường thực hành sư phạm có diện tích 1,2 ha đang được xây dựng hoàn thiện.

## **7. Phân tích cạnh tranh**

### **7.1. Điểm mạnh**

Trường đã được cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học.

Nhà trường có truyền thống tốt đẹp của hơn 60 năm xây dựng và phát triển, có nhiều kinh nghiệm trong đào tạo, hoạt động khoa học công nghệ; gắn bó với thực tiễn, có quan hệ mật thiết với các địa phương khu vực Tây Bắc.

Đội ngũ nhà giáo, cán bộ, viên chức tâm huyết với sự nghiệp, am hiểu sâu sắc địa phương và khu vực, giàu kinh nghiệm; có những tiên bộ về phẩm chất đạo đức, năng lực lãnh đạo, quản trị, quản lý và năng lực chuyên môn nghiệp vụ. Đội ngũ giảng viên, giáo viên, cán bộ trẻ năng động, nhanh chóng thích ứng với những tiên bộ, tích cực học tập nâng cao trình độ để đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới. Bên cạnh năng lực đào tạo ngày càng tiên bộ thì các lĩnh vực khoa học công nghệ, hợp tác trong nước và quốc tế đã giúp cho Nhà trường có thêm nhiều thành tựu, kinh nghiệm, hiểu biết, mở rộng quan hệ đối tác.

Trường đã có Tạp chí Khoa học; có một số nhóm nghiên cứu chuyên sâu, liên ngành; một số cá nhân đã tạo dựng được uy tín khoa học; một số trung tâm nghiên cứu, trung tâm tự chủ năng động thu hút được chương trình, đề tài dự án, thương mại hóa sản phẩm.

Hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng tạo cơ hội huy động các nguồn lực tài chính, mở rộng hợp tác, liên kết trong nước và quốc tế; thu hút các chuyên gia có trình độ cao tham gia quá trình đào tạo, nghiên cứu khoa học. Trường có quan hệ hợp tác với các đối tác quốc tế như Lào, Nhật Bản, Úc, Hoa Kỳ, các đối tác trong nước, đặc biệt là các tỉnh khu vực Tây Bắc - nơi có nhiều cựu sinh viên của Trường đã trưởng thành, cũng là nơi sử dụng nhân lực do Nhà trường đào tạo.

Sinh viên của Trường chủ yếu đến từ khu vực Tây Bắc, đa số gắn bó lâu dài với địa phương. Địa bàn làm việc của sinh viên sau khi tốt nghiệp khá rộng và có nhu cầu cao, nhất là ở vùng sâu, vùng xa.

Các tổ chức chính trị xã hội của Trường hoạt động sôi nổi, hiệu quả, góp phần tích cực tạo động lực cho hoạt động học thuật, chuyên môn, nghiệp vụ.

Cơ sở vật chất ngày càng được hoàn thiện bảo đảm phục vụ nâng cao chất lượng, hiệu quả các mặt công tác.

## **7.2. Điểm yếu**

Việc xây dựng các kế hoạch và tổ chức thực hiện các nghị quyết, kết luận, chỉ thị, chính sách, chương trình, kế hoạch và các văn bản chỉ đạo khác của cấp trên, của Đảng ủy, Hội đồng Trường còn chưa sát sao, kiên quyết, thiếu khoa học.

Việc nghiên cứu, cập nhật các văn bản, quy định và vận dụng trong thực tiễn của Nhà trường còn hạn chế.

Công tác dự báo, quy hoạch ngành và các chuyên ngành đào tạo trình độ đại học và sau đại học còn hạn chế; chưa chú trọng phân tích nhu cầu nguồn nhân lực của xã hội; ngành nghề đào tạo chưa đa dạng, sức thu hút chưa cao. Quy hoạch theo lĩnh vực nghiên cứu chưa hoàn thiện, thiếu chuyên gia đầu ngành.

Do khó khăn về các nguồn lực nên chính sách đãi ngộ, thu hút chưa đủ mạnh để ổn định và phát triển đội ngũ nhà giáo, cán bộ có năng lực.

Năng lực cạnh tranh, tính chủ động, tác phong làm việc chuyên nghiệp, năng lực ngoại ngữ, hợp tác quốc tế còn có những hạn chế nhất định.

Nguồn lực tài chính còn gặp nhiều khó khăn, chủ yếu dựa vào nguồn tài chính từ ngân sách Nhà nước, khả năng tự chủ tài chính chưa cao. Trang thiết bị tại phòng học, phòng thực hành, học liệu tại thư viện, cơ sở thực nghiệm phục vụ cho giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ xuống cấp, lạc hậu.



Việc phân bổ nguồn lực chưa hợp lý, chậm tiến độ thực hiện Dự án xây dựng Trường, chậm quyết toán các công trình xây dựng đã hoàn thành ảnh hưởng lớn đến phát triển cơ sở hạ tầng, ngân sách và thực hiện các nhiệm vụ.

### 7.3. Cơ hội

Tây Bắc có tiềm năng to lớn về tài nguyên thiên nhiên, đa dạng về bản sắc văn hóa của cộng đồng các dân tộc, có thể mạnh để phát triển nông, lâm, ngư nghiệp, thủy điện, khoáng sản, du lịch và kinh tế cửa khẩu do giáp với các tỉnh Bắc Lào và Trung Quốc.

Đảng và Nhà nước đã có nhiều chủ trương, chính sách ưu tiên đánh thức tiềm năng, thế mạnh, phát triển khu vực miền núi và Tây Bắc. Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được phê duyệt tại Quyết định số 1719 – QĐ/TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ (Chương trình 1719), Nghị quyết số 11 - NQ/TW ngày 10/2/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Đảng, Nhà nước và xã hội quan tâm sâu sắc tới giáo dục nói chung và giáo dục đại học nói riêng. Trung ương Đảng và các địa phương trong khu vực đã xác định công tác đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực là một trong những nhiệm vụ trọng tâm cần ưu tiên, tăng cường thực hiện. Trong Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 10 năm 2021 – 2030, Trung ương Đảng đã đưa ra một số nội dung như sau trong quan điểm chỉ đạo: *“Phát triển nhanh và bền vững dựa chủ yếu vào khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số... Phát huy tối đa lợi thế của các vùng, miền... quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi cho các đối tượng chính sách, người có công, người nghèo, người yếu thế, đồng bào dân tộc thiểu số... Khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, ý chí tự cường và phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc... Phát huy tối đa nhân tố con người, coi con người là trung tâm, chủ thể, nguồn lực quan trọng nhất và mục tiêu của sự phát triển”*.

Về các đột phá chiến lược, Trung ương Đảng đã chỉ đạo: *“Tiếp tục phát triển toàn diện nguồn nhân lực, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo... Đẩy nhanh thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện và nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, trọng tâm là hiện đại hóa và thay đổi phương thức giáo dục, đào tạo, nhất là giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp. Chú trọng đào tạo nhân lực chất lượng cao, phát hiện và bồi dưỡng nhân tài; có chính sách vượt trội để thu hút, trọng dụng nhân tài, chuyên gia cả trong và ngoài nước. ...Phát triển mạnh mẽ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để tạo bước phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh”*.

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 69/QĐ-TTg ngày 15/01/2019 phê duyệt Đề án nâng cao chất lượng giáo dục đại học giai đoạn 2019 - 2025, Quyết định số 89/QĐ-TTg ngày 18/01/2019 phê duyệt Đề án nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục đại học đáp

ứng yêu cầu đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019 - 2030; Quyết định số 78/QĐ-TTg ngày 14/01/2022 phê duyệt Chương trình “Phát triển hệ thống bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đối với giáo dục đại học và cao đẳng sư phạm giai đoạn 2022 - 2030”, Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 ban hành Chiến lược phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030. Các quyết định này là chính sách quan trọng của Nhà nước để thực hiện đổi mới giáo dục đại học và phát triển khoa học công nghệ.

Nhà trường tiếp tục nhận được sự quan tâm, lãnh đạo, giúp đỡ của cấp trên, sự hợp tác của các đối tác trong nước và quốc tế; đặc biệt là sự hỗ trợ của Trung ương Đảng, Nhà nước, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, các sở, ban, ngành, địa phương, doanh nghiệp, đồng bào các dân tộc tỉnh Sơn La cũng như các tỉnh Tây Bắc.

Cơ hội mở rộng quy mô đào tạo do nhu cầu ngày càng tăng về xã hội hoá học tập, về nguồn nhân lực trình độ cao, nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo, nâng cao chất lượng cuộc sống. Nhu cầu nguồn nhân lực theo chiến lược và các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội của các tỉnh Tây Bắc là cơ hội lớn cho Nhà trường.

Xu thế đổi mới giáo dục và tự chủ đại học, nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo, kiểm định và công khai chất lượng gắn với sự phát triển của khoa học và công nghệ tạo cơ hội đổi mới bộ máy tổ chức, công tác quản lý và quá trình đào tạo.

Tình hình kinh tế của Việt Nam nói chung, khu vực Tây Bắc nói riêng ngày càng phát triển, người dân ngày càng quan tâm và đầu tư cho thế hệ sau về giáo dục, đặc biệt là giáo dục đại học.

Sự tiến bộ mạnh mẽ của khoa học công nghệ là cơ hội quan trọng cho Nhà trường nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo.

#### **7.4. Thách thức**

Phát triển kinh tế - xã hội của khu vực Tây Bắc chưa tương xứng với sự đầu tư và tiềm năng vốn có. Khu vực Tây Bắc còn nhiều khó khăn về điều kiện tự nhiên, phát triển kinh tế xã hội, trong đó có những khó khăn về giáo dục đào tạo và đào tạo nguồn nhân lực. Văn hóa, giáo dục còn nhiều bất cập, các chỉ tiêu chất lượng nhân lực: tỷ lệ mù chữ, tỷ lệ tốt nghiệp trung học phổ thông, trung học cơ sở, đại học, cao đẳng, trường nghề trên quy mô dân số... vẫn còn những khoảng cách lớn so với các khu vực khác trong cả nước. Lực lượng lao động đã qua đào tạo của khu vực Tây Bắc thấp hơn so với mức trung bình cả nước và không đồng đều giữa các tỉnh.

Xu hướng đào tạo gắn với thực tế và nhu cầu xã hội để tăng cơ hội việc làm phù hợp với ngành đào tạo của người học sau khi tốt nghiệp. Yêu cầu của xã hội ngày càng cao về chất lượng nguồn nhân lực, đa dạng về ngành nghề và hình thức đào tạo. Yêu cầu bảo đảm chất lượng đào tạo theo chuẩn đầu ra đáp ứng yêu cầu cạnh tranh trong thị trường giáo dục đại học đòi hỏi nguồn lực rất lớn về

tài chính và những yêu cầu cao về số lượng và chất lượng đối với đội ngũ chuyên môn, học thuật của Trường

Quy định về tự chủ đại học dẫn tới nguồn ngân sách Nhà nước đầu tư cho Nhà trường ngày càng giảm.

Cạnh tranh trong tuyển sinh ngày càng gay gắt, xu hướng học nghề và đi làm ngay sau tốt nghiệp trung học phổ thông dẫn đến nguồn tuyển sinh giảm. Trong thời gian gần đây, số lượng sinh viên giảm dẫn đến nguồn thu từ học phí giảm theo.

Xu hướng hội nhập quốc tế và tác động của Cách mạng công nghệ 4.0 tạo thách thức trong chuyển đổi số giáo dục đào tạo.

### Phần 3

## QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Phát triển bền vững Nhà trường theo tinh thần của Triết lý Giáo dục “Nâng tầm giá trị - Kiến tạo tương lai”: Giáo dục góp phần hình thành và phát huy các giá trị đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ để kiến tạo tương lai hạnh phúc. Phát triển Nhà trường trên nền tảng các giá trị cốt lõi “Đoàn kết - Trách nhiệm - Sáng tạo - Hiệu quả” để duy trì và bồi đắp văn hóa chất lượng trong Nhà trường.

2. Phát huy tối đa nhân tố con người, coi con người là trung tâm, chủ thể, nguồn lực quan trọng nhất và mục tiêu của sự phát triển; lấy giá trị văn hóa, con người là nền tảng, sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững. Khơi dậy mạnh mẽ khát vọng phát triển của dân tộc, tinh thần yêu nước, tự hào, ý chí tự cường và lòng nhân ái, tinh thần đoàn kết, đồng thuận xã hội; xây dựng môi trường và đời sống văn hóa phong phú, đa dạng, văn minh, lành mạnh, hội nhập quốc tế, đề cao ý thức, trách nhiệm, đạo đức xã hội, sống và làm việc theo pháp luật.

3. Tận dụng mọi cơ hội có thể, tối ưu hóa mọi nguồn lực để phát triển và bảo đảm chất lượng đào tạo, khoa học công nghệ, kết nối và phục vụ cộng đồng.

4. Phát triển nhanh và bền vững dựa vào khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Đổi mới tư duy và hành động, chủ động nắm bắt kịp thời, tận dụng hiệu quả các cơ hội của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư gắn với quá trình hội nhập quốc tế, coi đây là nhân tố quyết định để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh.

5. Phát huy tối đa lợi thế của Trường tại khu vực Tây Bắc là địa bàn chiến lược đối với phát triển kinh tế xã hội và an ninh quốc phòng; có nhiều tiềm năng, lợi thế về điều kiện tự nhiên, bảo vệ môi trường, phát triển kinh tế nông lâm nghiệp và du lịch, có sự đa dạng bản sắc văn hóa của đồng bào các dân tộc.

## Phần 4 MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC

### 1. Mục tiêu tổng quát

Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, thực chất về chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực; góp phần nâng cao chất lượng và năng suất lao động, thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo, tăng cường năng lực cạnh tranh cho khu vực Tây Bắc và đất nước.

### 2. Mục tiêu và chỉ tiêu giai đoạn 2023 - 2030

#### 2.1. Công tác tổ chức và cán bộ

**Mục tiêu 1: Hoàn thiện cơ cấu tổ chức theo hướng tinh gọn, hiệu quả và nâng cao năng lực tự chủ**

TT	Chỉ tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030
1.1	Số các đơn vị thuộc, trực thuộc được tinh giản	Giảm 10 % so với năm 2021.	Giảm 10 % so với năm 2025.
1.2	Số các đơn vị thuộc, trực thuộc được chuyển sang hoạt động theo cơ chế tự chủ	01 đơn vị trở lên	02 đơn vị trở lên
1.3	Tiếp tục sắp xếp lại các bộ môn	Giảm tối thiểu 10 % số các bộ môn so với năm 2021	
1.4	Số trung tâm ươm tạo công nghệ và hỗ trợ khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; doanh nghiệp khoa học và công nghệ, trung tâm tự chủ được thành lập	Ít nhất 01 trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, 01 đơn vị tự chủ được thành lập	Ít nhất 01 doanh nghiệp khoa học và công nghệ được thành lập

**Mục tiêu 2: Phát triển đội ngũ nhà giáo, cán bộ, viên chức và người lao động**

TT	Chỉ tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030
2.1	Bảo đảm tỷ lệ phù hợp giữa khối thực hiện nhiệm vụ học thuật, chuyên môn và khối còn lại	Số giảng viên, giáo viên, cán bộ nghiên cứu khoa học khoảng 70 %	Số giảng viên, giáo viên, cán bộ nghiên cứu khoa học khoảng 70 %
2.2	Số giảng viên, giáo viên cán bộ, viên chức có học hàm giáo sư, phó giáo sư	Khoảng 3 - 4,5% trở lên	Khoảng 6 - 8% trở lên
2.3	Trình độ của giảng viên	Phấn đấu 100 %	Phấn đấu có ít

		có trình độ thạc sĩ hoặc tương đương trở lên, trong đó ít nhất 35 % có trình độ tiến sĩ.	nhất 40 % có trình độ tiến sĩ.
2.4	Số giảng viên được đào tạo trình độ tiến sĩ toàn thời gian ở nước ngoài	Ít nhất 70 % trong tổng số giảng viên đạt học vị tiến sĩ giai đoạn 2021 - 2030	
2.5	Số giảng viên được đào tạo trình độ tiến sĩ trong nước và phối hợp giữa các trường đại học Việt Nam với các trường đại học ở nước ngoài đạt chuẩn chất lượng khu vực và thế giới	Ít nhất 30 % trong tổng số giảng viên đạt học vị tiến sĩ giai đoạn 2021 - 2030	
2.6	Số giảng viên hoàn thành được 3 khóa học bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực về: phát triển chương trình đào tạo, giảng dạy theo phương pháp hiện đại, nghiên cứu khoa học	100 %	
2.7	Số cán bộ quản lý được bồi dưỡng nâng cao năng lực quản trị đại học	100 %	
2.8	Thu hút các nhà khoa học, người có trình độ tiến sĩ đang công tác tại nước ngoài hoặc đang làm việc trong nước, ngoài Trường đến làm việc tại Trường	Mỗi năm học khoảng 1% trở lên so với tổng số giảng viên của Trường	Mỗi năm học khoảng 2 % trở lên so với tổng số giảng viên của Trường

## 2.2. Bảo đảm chất lượng giáo dục

**Mục tiêu 1: Chương trình đào tạo được kiểm định chất lượng đạt tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế**

TT	Chỉ tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030
1.1	Số chương trình đào tạo đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng theo tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT	100% chương trình đào tạo giáo viên; 35% số chương trình đào tạo các ngành khác	100% chương trình đào tạo,
1.2	Số chương trình đào tạo đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng theo tiêu chuẩn khu vực AUN-QA	05 chương trình đào tạo	10 chương trình đào tạo

**Mục tiêu 2: Trường được kiểm định chất lượng đạt tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế và trở thành thành viên liên kết của Mạng lưới AUN-QA**

TT	Chỉ tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030
2.1	Trường đạt tiêu chuẩn kiểm định cấp cơ sở giáo dục của Bộ GD&ĐT	Đạt	Đạt
2.2	Trường đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cấp cơ sở giáo dục theo tiêu chuẩn khu vực AUN-QA		Đạt
2.3	Trường trở thành thành viên liên kết của Mạng lưới AUN-QA	x	x

**Mục tiêu 3: Năng lực phát triển chương trình đào tạo và bảo đảm chất lượng chương trình đào tạo được cải thiện**

TT	Chỉ tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030
3.1	Số giảng viên, giáo viên, cán bộ được tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về phát triển chương trình đào tạo và bảo đảm chất lượng chương trình đào tạo	100%	100%
3.2	Số giảng viên, cán bộ được cấp thẻ kiểm định viên của Bộ Giáo dục và Đào tạo	5	15
3.3	Số cán bộ lãnh đạo, quản lý được đào tạo và cấp chứng chỉ kiểm định viên AUN-QA	2	5

**Mục tiêu 4: Thứ bậc của Trường trên bảng xếp hạng các trường đại học được cải thiện**

TT	Chỉ tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030
4.1	Xếp hạng của Trường	Top 100 trên Bảng xếp hạng đại học của Webometrics	Có tên trong bảng xếp hạng đại học khu vực

### 2.3. Công tác đào tạo

**Mục tiêu 1: Quy mô người học được phát triển, chất lượng sinh viên tốt nghiệp đạt chuẩn đầu ra**

TT	Chỉ tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030
1.1	Quy mô người học	Phần đầu đạt 6.000 người học	Phần đầu đạt 12.000 người học
1.2	Tuyển sinh khối ngành đào tạo giáo viên	Đạt 80% chỉ tiêu được giao trở lên	Đạt 90% chỉ tiêu được giao trở lên
1.3	Tuyển sinh khối ngành nông lâm, kinh tế, du lịch, công nghệ...	Năm sau tăng 10% so với năm trước	Năm sau tăng 10% so với năm trước
1.4	Số sinh viên tốt nghiệp đạt chuẩn đầu ra kể cả chuẩn trình độ ngoại ngữ, tin học, kỹ năng mềm để sẵn sàng tham gia vào thị trường lao động	100 %	

**Mục tiêu 2: Mở mới một số ngành, chuyên ngành đào tạo, loại hình bồi dưỡng; xây dựng hồ sơ năng lực đào tạo, bồi dưỡng của Trường**

TT	Chỉ tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030
2.1	Mở mới các ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ đại học	4	10
2.2	Mở mới các ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ	2	5
2.3	Mở mới các ngành, chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ		2
2.4	Mở mới loại hình bồi dưỡng	2	7
2.5	Hồ sơ năng lực đào tạo, bồi dưỡng của Trường được xây dựng	Hoàn thành	



**Mục tiêu 3: Phát triển chương trình đào tạo**

TT	Chỉ tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030
3.1	Sử dụng hoặc tích hợp một phần nội dung chương trình đào tạo và giáo trình của nước ngoài vào các chương trình đào tạo của Nhà trường		Được thực hiện
3.2	Các chương trình đào tạo có mục tiêu, nội dung được thiết kế đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và thị trường lao động	Phấn đấu 100 % chương trình	

**Mục tiêu 4: Mức độ hài lòng, duy trì tiến độ học tập và việc làm của người học được bảo đảm**

TT	Chỉ tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030
4.1	Mức độ hài lòng của người học về hoạt động đào tạo của Trường.	90% trở lên	95% trở lên
4.2	Mức độ duy trì tiến độ học tập của người học	90% trở lên	95% trở lên
4.3	Số người học có việc làm phù hợp sau khi tốt nghiệp	80% trở lên	85% trở lên

**2.4. Hoạt động khoa học công nghệ và hỗ trợ khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo****Mục tiêu 1: Năng lực khoa học công nghệ của nhà giáo, cán bộ, viên chức được nâng cao**

TT	Chỉ tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030
1.1	Phát triển các nhóm nghiên cứu chuyên sâu, liên ngành, nhóm nghiên cứu mạnh.	Có 5 nhóm nghiên cứu chuyên sâu, liên ngành trở lên	Số nhóm nghiên cứu chuyên sâu, liên ngành tăng 10 % trở lên so với năm 2025. Có ít nhất 2 nhóm nghiên cứu mạnh.
1.2	Số lượng công bố trong nước hàng năm	Tăng 2 - 5 % trở lên	Tăng 5 - 10 % trở lên
1.3	Số lượng công bố quốc tế hàng năm	Tăng 1 - 3 % trở lên	Tăng 3 - 5 % trở lên

1.4	Có đề tài, chương trình hoặc dự án hợp tác với nước ngoài trong nghiên cứu khoa học hàng năm	Có ít nhất 01 đề tài, chương trình hoặc dự án	Có ít nhất 02 đề tài, chương trình hoặc dự án
1.5	Có đề tài nghiên cứu khoa học hoặc chuyển giao công nghệ cho các tổ chức trong và ngoài nước	Có ít nhất 01 đề tài nghiên cứu khoa học hoặc chuyển giao công nghệ	Có ít nhất 02 đề tài nghiên cứu khoa học hoặc chuyển giao công nghệ
1.6	Tổ chức hội thảo quốc tế	Tổ chức được ít nhất 01 hội thảo	Tổ chức được ít nhất 02 hội thảo

**Mục tiêu 2: Hoạt động nghiên cứu khoa học của người học được cải thiện**

TT	Chỉ tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030
2.1	Số sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học hàng năm	Từ 10% trở lên trong tổng số sinh viên hệ đào tạo chính quy	Từ 15% trở lên trong tổng số sinh viên chính quy
2.2	Số giải thưởng khoa học công nghệ cấp Bộ hàng năm của sinh viên hàng năm	Từ 01 giải trở lên	Từ 02 giải trở lên

**Mục tiêu 3: Chất lượng Tạp chí Khoa học được cải thiện**

TT	Chỉ tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030
3.1	Số chuyên ngành của Tạp chí Khoa học được tính điểm	Thêm 02 ngành được tính 0,5 điểm trở lên	Tất cả các ngành của Tạp chí Khoa học tính được tính 0,5 điểm trở lên

**Mục tiêu 4: Hệ thống quản lý dữ liệu khoa học công nghệ, hồ sơ năng lực khoa học công nghệ của Trường được xây dựng**

TT	Chỉ tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030
4.1	Hệ thống quản lý dữ liệu khoa học công nghệ	Hoàn thành xây dựng	
4.2	Hồ sơ năng lực khoa học công nghệ	Hoàn thành xây dựng	

**Mục tiêu 5: Năng lực khoa học công nghệ phát triển theo định hướng ứng dụng, năng lực hỗ trợ khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo được cải thiện**

TT	Chỉ tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030
5.1	Số quy trình công nghệ, giải pháp kỹ thuật, mô hình ứng dụng, sản phẩm khoa học công nghệ được chuyển giao, ứng dụng	Tăng 10 % so với năm 2020	Tăng 20 % so với năm 2025
5.2	Số chương trình, dự án hỗ trợ khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo được thực hiện	Có ít nhất 01 chương trình, dự án	Mỗi năm học có ít nhất 01 chương trình, dự án

**2.5. Hợp tác quốc tế và hợp tác trong nước**

**Mục tiêu 1: Năng lực quản trị, điều hành hoạt động hợp tác quốc tế được nâng cao**

TT	Chỉ tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030
1.1	Thiết lập, vận hành hệ thống hợp tác quốc tế đến các đơn vị học thuật, chuyên môn	Hoàn thành	
1.2	Xây dựng hồ sơ năng lực hợp tác quốc tế của Trường	Hoàn thành	

**Mục tiêu 2: Quan hệ hợp tác quốc tế và hợp tác trong nước được phát triển**

TT	Chỉ tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030
2.1	Các quan hệ hợp tác quốc tế với đối tác mới được hình thành	02 đối tác quốc tế mới trở lên	04 đối tác quốc tế mới trở lên; 01 dự án hợp tác trở lên được thực hiện
2.2	Các quan hệ hợp tác trong nước với đối tác mới được hình thành	04 đối tác trong nước mới, 02 chương trình, dự án, hoạt động hợp tác được thực hiện	08 đối tác trong nước mới; 04 chương trình, dự án, hoạt động hợp tác được thực hiện

**Mục tiêu 3: Hội nhập quốc tế về chương trình đào tạo, học liệu mở; trao đổi giảng viên, sinh viên**

STT	Chỉ tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030
3.1	Các chương trình đào tạo, học liệu mở được chia sẻ trực tuyến bởi các trường đại học có uy tín trên thế giới	Khai thác và sử dụng được	Khai thác và sử dụng được
3.2	Trao đổi giảng viên, sinh viên với các trường đại học trong khu vực và trên thế giới	Có hoạt động trao đổi	Có hoạt động trao đổi

**2.6. Hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng**

**Mục tiêu 1: Đặc điểm, nhu cầu của các nhóm cộng đồng được khảo sát để có cơ sở thực hiện các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng**

TT	Chỉ tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030
1.1	Số nhóm cộng đồng được khảo sát	15 nhóm trở lên	Số nhóm được khảo sát tăng 50 % trở lên so với giai đoạn 2023 - 2025

**Mục tiêu 2: Các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng được tăng cường**

TT	Chỉ tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030
2.1	Các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng được thực hiện	15 hoạt động trở lên	Số hoạt động được thực hiện tăng 50 % trở lên so với giai đoạn 2023 - 2025
2.2	Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học được thực hiện theo từng năm học	03 hoạt động trở lên	03 hoạt động trở lên

**Mục tiêu 3: Hoạt động kết nối phục vụ cộng đồng được rà soát, đánh giá, cải tiến nâng cao sự hài lòng của các bên liên quan**

TT	Chỉ tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030
3.1	Sự hài lòng của các bên liên quan đối với hoạt động kết nối phục vụ cộng đồng được rà soát, đánh giá trong từng năm học	01 lần	01 lần
3.2	Hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học được rà soát, cải tiến trong từng năm học	01 lần	01 lần

**Mục tiêu 4: Quy định, hệ thống đo lường, giám sát, đối sánh đối với hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng được rà soát, hoàn thiện**

TT	Chỉ tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030
1.1	Quy định, hệ thống đo lường, giám sát, đối sánh đối với hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng được rà soát, hoàn thiện trong từng năm học	01 lần	01 lần

**2.7. Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số**

**Mục tiêu 1: Phương thức tổ chức đào tạo được đổi mới, đưa dạy và học trên môi trường số trở thành hoạt động giáo dục thiết yếu, hàng ngày đối với mỗi nhà giáo, người học**

TT	Chỉ tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030
1.1	Số chương trình đào tạo (cấp bằng) bằng hình thức từ xa, trực tuyến	01 chương trình trở lên	05 chương trình trở lên
1.2	Tỉ lệ học phần được triển khai đào tạo bằng hình thức kết hợp trực tiếp và trực tuyến	80%	100%
1.3	Số khóa học đại chúng mở (MOOC) được cung cấp trực tuyến	10 khóa học trở lên	30 khóa học trở lên
1.4	Tỉ lệ tài liệu phục vụ đào tạo, nghiên cứu được số hóa và cung cấp trực tuyến	80%	100%
1.5	Tỉ lệ học phần đủ điều kiện triển khai thi kết thúc học phần trên máy tính	70%	100%
1.6	Số lượng phòng dạy học trực tuyến, sản xuất học liệu số hiện đại	02 phòng trở lên	05 phòng trở lên
1.7	Tỉ lệ người học, nhà giáo được tập huấn hàng năm về công nghệ thông tin, đủ điều kiện, tham gia hiệu quả dạy và học trực tuyến	100%	100%

**Mục tiêu 2: Phương thức quản lý, điều hành được đổi mới dựa trên công nghệ và dữ liệu, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và chất lượng cung cấp dịch vụ hỗ trợ**

TT	Chỉ tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030
2.1	Tỉ lệ dữ liệu lưu trữ của Nhà trường được số hóa	80%	100%
2.2	Tỉ lệ người học, nhà giáo được quản lý bằng hồ sơ số với định danh thống nhất toàn trường	100%	100%
2.3	Tỉ lệ cơ sở vật chất, thiết bị và các nguồn lực khác phục vụ đào tạo, nghiên cứu được quản lý bằng hồ sơ số	80%	100%
2.4	Tỉ lệ hồ sơ công việc được trao đổi và giải quyết trên môi trường số (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật).	90%	100%
2.5	Tỉ lệ thủ tục hành chính đủ điều kiện được triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 (hoặc mức độ 3 nếu không phát sinh thanh toán)	100%	100%
2.6	Tỉ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng số hồ sơ	50%	100%
2.7	Tỉ lệ người học, phụ huynh, tổ chức, cá nhân hài lòng về chất lượng dịch vụ công trực tuyến	80%	100%

**Mục tiêu 3: Mở rộng hợp tác, đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển sản phẩm, dịch vụ trong lĩnh vực công nghệ thông tin, chuyển đổi số**

TT	Chỉ tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030
3.1	Số doanh nghiệp, đối tác hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin ký thỏa thuận hợp tác với Trường	03 đối tác trở lên	07 đối tác trở lên
3.2	Số lượng giải pháp, sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin, chuyển đổi số được triển khai	05 giải pháp, sản phẩm, dịch vụ trở lên giải pháp, sản phẩm, dịch vụ	10 giải pháp, sản phẩm, dịch vụ

## 2.8. Công tác cơ sở vật chất

### Mục tiêu 1: Hoàn thành Dự án xây dựng và hoàn thiện Trường

TT	Chỉ tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030
1.1	Các công trình xây dựng đã hoàn thành được quyết toán	100 %	100 %
1.2	Dự án xây dựng Trường được điều chỉnh	Hoàn thành	
1.3	Quy hoạch xây dựng Trường được điều chỉnh	Hoàn thành	
1.4	Các công trình xây dựng Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh, các công trình mới tại 3 cơ sở: thành phố Sơn La, Thuận Châu, Mộc Châu được lập dự án và xây dựng	Hoàn thành lập dự án	Hoàn thành xây dựng

### Mục tiêu 2: Hoàn thành thủ tục quyền sử dụng đất cho các cơ sở của Nhà trường

TT	Chỉ tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030
2.1	Thủ tục quyền sử dụng đất của Trường tại thành phố Sơn La, Mộc Châu và Thuận Châu được hoàn thành	Hoàn thành	

### Mục tiêu 3: Các công trình xây dựng được cải tạo, nâng cấp

TT	Chỉ tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030
3.1	Cải tạo, nâng cấp các công trình xây dựng đã quyết toán, đủ điều kiện	Nhà Điều hành, Nhà A, Giảng đường chung khối sư phạm (A1, A2) và Nhà khách công vụ (Nhà Thủy lợi) được cải tạo, nâng cấp	Các công trình xây dựng còn lại đã quyết toán, đủ điều kiện được cải tạo, nâng cấp

**Mục tiêu 4: Trang thiết bị đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ; công nghệ thông tin, chuyển đổi số được tăng cường**

TT	Chỉ tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030
4.1	Trang thiết bị được tăng cường bảo đảm phục vụ công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ theo định hướng ứng dụng	Cơ bản hoàn thành	Hoàn thành
4.2	Nâng cấp Trung tâm Thông tin - Thư viện thành trung tâm hiện đại, có thư viện số	Cơ bản hoàn thành	Hoàn thành
4.3	Hạ tầng công nghệ thông tin, mạng thông tin viễn thông được cải thiện, nâng cấp, hiện đại, hiệu quả	Cơ bản hoàn thành	Hoàn thành
4.4	Phòng thí nghiệm trọng điểm tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT được xây dựng		01 phòng thí nghiệm

**2.9. Công tác tài chính**

**Mục tiêu 1: Năng lực tự chủ tài chính được nâng cao**

TT	Chỉ tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030
1.1	Năng lực tự chủ tài chính	Từ 30% đến 50%	Từ 50% đến dưới 70%

**Mục tiêu 2: Tổng thu từ các nguồn thu của Trường tăng lên**

TT	Chỉ tiêu	Đến năm 2025	Đến năm 2030
2.1	Thu từ nguồn cấp bù học phí sự phạm	Tăng từ 5 - 10 %	Tăng từ 10 - 20%
2.2	Nguồn thu từ học phí hệ chính quy	Tăng từ 2 - 5 %	Tăng từ 10 - 20 %
2.3	Nguồn thu từ đào tạo hệ vừa học vừa làm	Tăng từ 2% - 5%	Tăng từ 5% - 10%
2.4	Nguồn thu từ đào tạo liên kết và bồi dưỡng	Tăng từ 10 - 20 %	Tăng từ 20 — 30%
2.5	Nguồn thu từ khai thác cơ sở vật chất và thu khác	Chiếm từ 2 - 5% tổng nguồn thu của Trường	Chiếm từ 5 - 8% tổng nguồn thu của Trường



### **3. Tầm nhìn đến năm 2045**

Trường đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng theo tiêu chuẩn tiên tiến quốc tế, có tên trong bảng xếp hạng đại học Châu Á. Năng lực quản trị điều hành, thực hiện các hoạt động học thuật, chuyên môn nghiệp vụ; các nguồn lực tài chính; cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại, đặc biệt là trang thiết bị công nghệ thông tin và chuyển đổi số bảo đảm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

## Phần 5

### ĐỘT PHÁ CHIẾN LƯỢC

1. Củng cố và phát triển tổ chức theo hướng tinh gọn, hiệu quả. Nâng cao phẩm chất và năng lực của đội ngũ nhà giáo, cán bộ, viên chức và người lao động trong công tác lãnh đạo, quản trị và quản lý điều hành, trong học thuật, chuyên môn và nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

2. Hoàn thiện hệ thống văn bản quản trị và quản lý điều hành, vận dụng hiệu quả trong thực hiện các lĩnh vực công tác.

3. Tập trung bảo đảm chất lượng đào tạo theo phương thức và lộ trình phù hợp nhằm xác lập vị thế cạnh tranh thông qua các chỉ số về đào tạo, khoa học công nghệ, kết nối và phục vụ cộng đồng.

## PHẦN 6

### NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

#### 1. Hoàn thiện hệ thống văn bản quản trị và điều hành

Nghiên cứu, cập nhật các văn bản chỉ đạo, chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước về các lĩnh vực mà Trường đang thực hiện: công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức; công tác tổ chức cán bộ, đào tạo, khoa học công nghệ, hỗ trợ người học, hợp tác quốc tế, hợp tác trong nước, phát triển cộng đồng, tài chính, cơ sở vật chất, giáo dục quốc phòng và an ninh, trật tự an toàn xã hội, môi trường; các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp.

Trên cơ sở nghiên cứu, cập nhật các văn bản nêu trên, tiến hành rà soát, đối chiếu với các quy chế, quy định, chính sách của Nhà trường để hoàn thiện, bổ sung, cập nhật, điều chỉnh. Chú trọng các quy chế, quy định do Hội đồng Trường ban hành: Quy chế tổ chức và hoạt động, Quy chế dân chủ ở cơ sở, Quy chế tài chính, Chính sách bảo đảm chất lượng, Chính sách hỗ trợ người học, Chính sách thu hút các nguồn lực phát triển Nhà trường... Tập trung hoàn thiện các quy chế, quy định phục vụ công tác quản lý, điều hành: Các quy định về công tác tổ chức cán bộ, giáo dục chính trị tư tưởng đạo đức, bảo đảm chế độ chính sách cho nhà giáo, cán bộ, viên chức, người lao động và người học; Quy chế đào tạo, tuyển sinh; Quy định hoạt động khoa học công nghệ, Quy định hợp tác quốc tế, Quy định kết nối và phục vụ cộng đồng, Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế quản lý tài sản...

Việc xây dựng các văn bản cần chú ý lấy ý kiến các tập thể, cá nhân, phát huy dân chủ và trí tuệ tập thể. Các quy chế, quy định cần bảo đảm phân cấp, phân quyền; bảo đảm tính liên thông về thực hiện nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ, thực hiện nhiệm vụ quản trị của Hội đồng Trường và nhiệm vụ quản lý, điều hành của Ban Giám hiệu. Các văn bản là cơ sở quan trọng để thực hiện các hoạt động theo định hướng bảo đảm chất lượng, hiệu quả, tăng cường khả năng tự chủ, tăng cường minh bạch, công khai; chuyển từ mô hình quản lý sang quản trị có hiệu quả.

#### 2. củng cố, phát triển tổ chức và làm tốt công tác cán bộ

Hoàn thiện cơ cấu tổ chức của Nhà trường theo hướng tinh giản, gọn nhẹ, linh hoạt, nâng cao hiệu quả hoạt động, phù hợp với yêu cầu đổi mới giáo dục đại học và tình hình thực tiễn của Nhà trường.

Việc thành lập đơn vị mới hay sáp nhập, giải thể cần có đề án được xây dựng trên cơ sở nghiên cứu kỹ lưỡng các quy định, tình hình thực tế và Chiến lược phát triển Nhà trường. Cần có sự thống nhất cao độ về chủ trương và đồng thuận của tập thể.

Khuyến khích, hỗ trợ các hoạt động tự chủ, phát triển các đơn vị tự chủ, có lộ trình thành lập doanh nghiệp của Nhà trường. Có cơ chế, chính sách để phát huy hiệu quả hoạt động tự chủ và các đơn vị tự chủ để tăng cường thu hút, sử dụng hiệu quả các nguồn lực.

Thực hiện tốt các khâu trong công tác cán bộ: đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm, miễn nhiệm. Tiếp tục chú trọng khâu đánh giá cán bộ, đào tạo, bồi dưỡng sau quy hoạch.

Bám sát các quy định, bảo đảm dân chủ, khách quan, công bằng, công tâm trong công tác cán bộ.

### **3. Nâng cao phẩm chất và năng lực cho nhà giáo, cán bộ, viên chức, người lao động và người học**

Tăng cường giáo dục tư tưởng chính trị, phẩm chất, đạo đức, lối sống; chú trọng truyền thông về sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi của Nhà trường. Phát huy cao độ tinh thần đoàn kết, trách nhiệm với công việc tập thể, phát huy sáng tạo, nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ. Phát huy ý chí tự lực tự cường, ý thức chủ động, tích cực, cầu thị, học hỏi; tác phong làm việc chuyên nghiệp, kỹ năng làm việc, phối hợp nhóm.

Công tác giáo dục, tuyên truyền, truyền thông cần có sự đổi mới về nội dung và phương thức thực hiện; góp phần tạo ra sự chuyển biến tích cực, thực chất về nhận thức, về tính tự giác chấp hành các quy định, quy chế; tuân thủ các chuẩn mực về đạo đức và ứng xử văn hóa; hình thành nếp sống văn minh, kiến tạo môi trường giáo dục, môi trường học thuật tiên bộ.

Tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, các hội nghị, hội thảo, diễn đàn, seminar hoặc chia sẻ thông tin, khuyến khích, hỗ trợ các hoạt động tự học, tự nghiên cứu nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, quản trị và quản lý, điều hành, nâng cao năng lực học thuật và chuyên môn, năng lực nghiệp vụ và hỗ trợ người học.

Chú trọng phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng, hỗ trợ, thu hút cán bộ có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực; nhiệt tình, trách nhiệm với công việc tập thể; dám nghĩ, dám làm, đổi mới sáng tạo vì lợi ích chung. Quan tâm tới việc đào tạo đội ngũ kế cận và cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số. Có đề án hoặc kế hoạch để đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ.

Thực hiện cơ chế, chính sách để bảo đảm đời sống vật chất tinh thần cho các nhà giáo, cán bộ, viên chức và người lao động, phù hợp với điều kiện và tình hình thực tiễn của Nhà trường.

Thực hiện đúng, đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách hỗ trợ người học. Song song với việc thực hiện hiệu quả các chương trình đào tạo chính khóa, cần tăng cường các hoạt động hỗ trợ người học hình thành và phát triển các kỹ năng mềm để thích ứng với yêu cầu của nghề nghiệp và thị trường lao động.

Trong quá trình đào tạo, bồi dưỡng, thực hiện chế độ, chính sách, tổ chức các hoạt động hỗ trợ, cần chú trọng tới đặc điểm văn hóa, tâm lý của người học đến từ các địa phương vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

### **4. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược theo từng lĩnh vực trọng tâm, theo từng giai đoạn và theo các năm học**

Lập kế hoạch thực hiện Chiến lược theo từng lĩnh vực trọng tâm: Tổ chức và

nhân sự, bảo đảm chất lượng, đào tạo, bồi dưỡng, khoa học công nghệ, hợp tác trong nước, hợp tác quốc tế, hỗ trợ người học, kết nối và phục vụ cộng đồng, tài chính, cơ sở vật chất, ứng dụng công nghệ thông tin và thực hiện chuyển đổi số.

Thực hiện nghiêm túc Chu trình PDCA trong lập và tổ chức thực hiện các kế hoạch. Chú trọng sự tham gia của các bên liên quan ngay từ khâu khảo sát, lập kế hoạch và tổ chức thực hiện. Chú ý đến các nguồn lực để thực hiện kế hoạch và phương thức huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực.

Các kế hoạch được xây dựng và tổ chức theo thời kỳ trung hạn: 3 – 5 năm, theo từng năm học, bám sát các căn cứ như quy định, quy chế, phương hướng, chính sách... bám sát mục tiêu chiến lược và các chỉ tiêu đã đề ra cho từng giai đoạn để xác định kết quả đầu ra cụ thể. Đề ra các giải pháp khả thi, sáng tạo, thiết thực để thực hiện thành công các mục tiêu. Bảo đảm tính hệ thống và logic trong việc lập kế hoạch. Phân công rõ trách nhiệm của các tập thể, cá nhân. Xác định rõ lộ trình thực hiện phù hợp.

Tăng cường rà soát, giám sát, kiểm tra, đôn đốc thực hiện kế hoạch một cách thường xuyên. Đánh giá kết quả thực hiện một cách khách quan, thực chất. Kịp thời điều chỉnh trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện và tình hình thực tiễn.

**5. Tăng cường bảo đảm chất lượng đào tạo, nghiên cứu thường xuyên, liên tục; chủ động xây dựng kế hoạch cải tiến và nâng cao chất lượng đối với từng lĩnh vực đào tạo, khoa học công nghệ, kết nối và phục vụ cộng đồng**

Rà soát, đánh giá, cải tiến để nâng cao hiệu lực trong việc vận hành hiệu quả hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong. Tăng cường sự tham gia của các đơn vị, cá nhân và các đối tác liên quan trong việc vận hành hệ thống.

Tập trung cao độ, quyết tâm huy động các nguồn lực cho công tác kiểm định các chương trình đào tạo, trước hết là công tác tự đánh giá.

Tiếp tục tuyên truyền, nâng cao nhận thức, năng lực thực hiện công tác bảo đảm chất lượng.

**6. Bảo đảm, phát huy các nguồn lực để thực hiện thành công Chiến lược phát triển Nhà trường**

Tăng cường xây dựng và phát huy hiệu quả sự hỗ trợ, hợp tác của các bộ, ngành, các cơ sở giáo dục đại học, viện nghiên cứu, các địa phương, doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân và mạng lưới cựu sinh viên của Nhà trường. Tích cực, chủ động nghiên cứu, tham gia các chương trình, đề án, kế hoạch, dự án của Trung ương, của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các bộ ngành khác, các địa phương trong các lĩnh vực phát triển kinh tế xã hội; trong đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ; lĩnh vực giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ, hợp tác quốc tế, ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số, nâng cao năng lực ngoại ngữ...

Phát huy hiệu quả tiềm năng, thế mạnh, cơ hội của vùng Tây Bắc trong các lĩnh vực công tác, trong việc thực hiện các nhiệm vụ của Nhà trường. Có thể coi những tiềm năng, thế mạnh, cơ hội của vùng là những nguồn lực để phát triển

Nhà trường, đồng thời Trường cũng tiếp tục đóng góp hiệu quả cho sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội của Tây Bắc.

Phát huy quan hệ hợp tác quốc tế với các đối tác truyền thống như Lào, Nhật Bản, Úc, Hoa Kỳ; phát triển hợp tác với các đối tác mới để tăng cường các nguồn lực cho công tác đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo, cán bộ viên chức; nâng cao chất lượng đào tạo, khoa học công nghệ, hỗ trợ người học, phát triển cộng đồng. Bảo đảm an ninh chính trị, tư tưởng, tuân thủ nghiêm chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước về hội nhập và hợp tác quốc tế.

Tăng cường nguồn lực về tài chính: Rà soát, đề xuất các giải pháp hiệu quả, cụ thể để gia tăng các nguồn thu hiện có từ công tác đào tạo, bồi dưỡng, khoa học công nghệ, cho thuê tài sản, hợp tác với địa phương, doanh nghiệp; khuyến khích các nguồn thu bằng các hoạt động tự chủ. Kế hoạch tài chính hàng năm cần đưa ra được các giải pháp tăng cường nguồn lực tài chính.

Đối với nguồn lực về cơ sở vật chất: Tranh thủ sự hỗ trợ của Nhà nước, các đối tác trong nước và quốc tế để hoàn thiện cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị. Trước mắt là tập trung hoàn thiện Dự án xây dựng Trường: Quyết toán các công trình đã hoàn thành xây dựng, điều chỉnh Quy hoạch xây dựng và điều chỉnh Dự án xây dựng Trường tại thành phố Sơn La; hoàn thành xây dựng Trường Tiểu học, Trung học Cơ sở, Trung học Phổ thông Chu Văn An (Trường Thực hành Sư phạm) và Nhà Khoa Khoa học Sức khỏe (Nhà Khoa Y Dược). Lập quy hoạch cơ sở Thuận Châu và cơ sở Mộc Châu. Tăng cường xúc tiến thủ tục để có được quyền sử dụng đất tại 3 cơ sở ở Thuận Châu, thành phố Sơn La và Mộc Châu. Đề xuất nguồn vốn, lập dự án xây dựng các công trình mới, cải tạo nâng cấp các công trình xây dựng tại 3 cơ sở. Tập trung quyết toán và đề xuất nguồn vốn, lập dự án để sửa chữa, cải tạo, nâng cấp các ký túc xá, bảo đảm sinh hoạt cho người học.

Có kế hoạch rà soát, khai thác, sử dụng hiệu quả, tăng cường nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có để phục vụ công tác đào tạo và khoa học công nghệ: hệ thống các giảng đường, phòng học tin học, ngoại ngữ, thư viện, phòng thực hành, thí nghiệm, nhà kính, nhà lưới, nhà chăn nuôi, cơ sở thực nghiệm

Tăng cường phối hợp, thực hiện hiệu quả Dự án thuộc Chương trình 1719, tập trung cho cơ sở vật chất thực hiện công tác đào tạo, khoa học công nghệ; trang thiết bị công nghệ thông tin và chuyển đổi số; cải tạo, nâng cấp một số công trình xây dựng đã quyết toán.

Làm tốt công tác duy tu, bảo dưỡng định kỳ, sửa chữa tài sản. Xây dựng và duy trì thường xuyên môi trường sáng, xanh, sạch đẹp; bảo đảm nếp sống văn minh.

Thực hiện nghiêm các quy định về tiết kiệm, phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; các quy định về công khai, minh bạch và thực hiện trách nhiệm giải trình.

## Phần 7

### TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Thực hiện thành công Chiến lược phát triển Trường Đại học Tây Bắc giai đoạn 2023 – 2030, tầm nhìn đến năm 2045 là nhiệm vụ trọng tâm của Nhà trường. Cần tập trung thực hiện tốt các nội dung sau:

1. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động trong việc triển khai thực hiện hiệu quả Chiến lược.

2. Các đơn vị tổ chức quán triệt, phổ biến, tuyên truyền sâu sắc nội dung Chiến lược tới toàn thể giảng viên, giáo viên, cán bộ, viên chức, người lao động và người học.

3. Hội đồng Trường xây dựng, hoàn thiện hệ thống các quy chế, quy định và giám sát việc thực hiện Chiến lược.

4. Phát huy vai trò của các tổ chức chính trị xã hội, của giảng viên, giáo viên, cán bộ, viên chức, người lao động và người học trong việc thực hiện và giám sát thực hiện Chiến lược.

5. Ban Giám hiệu chỉ đạo xây dựng và triển khai kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược theo từng giai đoạn 2023 - 2025, 2025 – 2030 và theo từng năm học năm học. Các đơn vị xây dựng kế hoạch thực hiện Chiến lược của đơn vị mình.

6. Hàng năm, khi năm học kết thúc, Nhà trường và các đơn vị tổ chức rà soát, đánh giá việc thực hiện các kế hoạch hành động và các mục tiêu chiến lược và điều chỉnh, bổ sung kịp thời, xây dựng kế hoạch năm học tiếp theo cho phù hợp với Chiến lược phát triển của Nhà trường.

*CNU*